

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						784 806	251 591	533 215			
I		CẢNG CHÍNH						202 072	49 517	152 555			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						35 320	34 632	688			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	30/9	612/9		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 765	35	03/10	HỘ LỚN	TTCO: 22.765,99
2		ĐẠM NINH BÌNH	01/10	606/9	10/10	NB 8218	CÁM 4A.1	3 100	3 061	39	04/10	HỘ LỚN	GIA HẠN L1
3		ĐẠM HẢ BẮC	02/10	628/10	12/10	QN 4330	CÁM 4B.1	1 700	1 673	27	04/10	HỘ LỚN	
4		VINA CARBON	01/10	2515/10	07/10	BN 2668	CÁM 1	1 100	1 096	4	02/10	TD	
5		VẬT TƯ MIKADO	02/10	2520/10	09/10	VIỆT THUẬN TĐ 09	CÁM 4A.1	2 120	2 036	84	03/10	TD	
		\					CỤC 5A.1	2 120	1 695	425	03/10	TD	
6		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	01/10	2511/10	07/10	NB 8901	CÁM 4B.1	2 380	2 306	74	03/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						28 850	14 885	13 965			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	613/9		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	14 026	8 724	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 22.750
2		NHÔM LÂM ĐÔNG	04/10	2533/10	14/10	HOÀNG ANH 88	CÁM 5A.1	3 900		3 900		HỘ LỚN	
3		SX & TM THAN UỐNG BÍ	02/10	2347/10	09/10	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 200	859	341	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L2
4		XNK ANH KHOA	04/10	2535/10	11/10	BN 1666	CỤC 4A.2	1 000		1 000		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						137 902		137 902			
1		ĐẠM NINH BÌNH	30/9	609/9	10/10	NB 6695	CÁM 4A.1	4 004		4 004		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	28/9	604/9		HẢI NAM 88	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/10	625/10		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 300		27 300		HỘ LỚN	TTCO: 20.300 KVCP: 7.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/10	626/10		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 600		20 600		HỘ LỚN	
5		ĐTTM VÀ DỊCH VỤ VINACOMIN	24/9	2435/9	30/9	BN 2929	CÁM 5B.1	3 200		3 200		PTCB	
6		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2184/9	30/9	BN 2005	CÁM 4B.1	1 542		1 542		TD	GIA HẠN L3
7		DVVT QUẢNG NINH	28/9	2142/8	30/9	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L3
8		DVVT QUẢNG NINH	28/9	2221/8	30/9	HN 2402	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L3
9		TRƯỜNG ANH 888	24/9	2185/8	30/9	BN 2203	CÁM 4B.1	1 560		1 560		TD	GIA HẠN L3
10		COALIMEX	01/10	2356/9	07/10	BN 2366	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L2
11		DDTM VÀ DV VINACOMIN	23/9	2421/9	30/9	HD 2095	CÁM 4B.1	1 988		1 988		TD	
12		XDCN MỎ	28/9	2400/9	30/9	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13		ĐTTM & DỊCH VỤ	29/9	2474/9	30/9	BN 3228	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
14		ĐTTM & DỊCH VỤ	29/9	2473/9	30/9	HP 6124	CÁM 4B.1	1 500		1 500		TD	
15		XNK ANH KHOA	29/9	2469/9	30/9	BN 2665	CÁM 4B.1	2 430		2 430		TD	
16		VẬN TẢI THỦY	29/9	2143/8	30/9	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	GIA HẠN L4
17		DVVT QUẢNG NINH	30/9	2478/9	30/9	HP 6134	CÁM 4B.1	1 960		1 960		TD	
18		DVVT QUẢNG NINH	30/9	2477/9	30/9	BN 2979	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
19		VẬT TƯ MIKADO	30/9	2223/9	30/9	BN 2776	CÁM 4B.1	1 800		1 800		TD	GIA HẠN L2
20		KDT CẦU ĐUÔNG	30/9	2492/9	30/9	BN 1818	CÁM 4B.1	1 982		1 982		TD	
21		XNK THAN	01/10	2499/9	07/10	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
22		KDT MIỀN BẮC	01/10	2446/9	10/10	NEW GOLD	CÁM 2A.1	24 000		24 000		TD	
23		XNK ANH KHOA	01/10	2508/10	07/10	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 230		1 230		TD	
24		DVVT QUẢNG NINH	01/10	2509/10	07/10	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
26		ĐTTM & DỊCH VỤ	02/10	2519/10	09/10	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 096		1 096		TD	
27		VẬT TƯ MIKADO	02/10	2522/10	09/10	BN 3201	CỤC 5A.1	1 960		1 960		TD	
28		XDCN MỎ ĐÔNG BẮC	02/10	2400/10	09/10	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	GIA HẠN L2
29		TRƯỜNG ANH 888	03/10	2528/10	10/10	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
30		VẬN TẢI THỦY	04/10	2537/10	11/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
		Tàu chuyển tải						335 500	131 603	203 897			
		Tàu đã làm hàng						95 900	95 593	307			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	25/9	595/9		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600	25 635	- 35	02/10	HỘ LỚN	TTHG: 20.044,2 KVCP: 5.591,19
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	22/9	589/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 6A.1	26 300	26 001	299	03/10	HỘ LỚN	TTHG: 22.725,15 KVCP: 3.275,55
3		XNK THAN	22/9	2413/9		VIET THUAN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	43 957	43	04/10	TD	KVĐB: 43.957
		Tàu dự kiến rút trong ngày						72 600	36 010	36 590			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	30/9	616/9		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	7 300	15 700	BỐC DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 3.000
2		KDT MIỀN BẮC	03/10	614B/9		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5A.1	10 200	5 500	4 700	BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 28.600 Thay TBRT Số 614/9
							CÁM 5B.1	18 400	16 100	2 300	BỐC DỖ	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	03/10	615B/9		VTA OCEANUS	CÁM 5A.1	15 400	5 050	10 350	BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 21.000
							CÁM 5B.1	5 600	2 060	3 540	BỐC DỖ	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>167 000</i>		<i>167 000</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/10	627/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	CLM: 18.000 KVĐB: 5.300
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/10	622/10		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.14	23 000		23 000		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 CLM: 13.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/10	629/10		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	CLM: 16.600 KDTCP: 10.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	03/10	630/10		VINACOMIN STAR	CẨM 6A.10	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTCP: 11.000 CLM: 22.000 KVCP: 8.250
5		ĐIỆN VĨNH TÂN	03/10	631/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.1	29 200		29 200		HỘ LỚN	TTHG: 25.000 KVCP: 4.200
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	03/10	632/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.14	23 650		23 650		HỘ LỚN	CLM: 11.000 KDTCP: 6.000 KVCP: 6.650
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>78 700</u>	<u>24 024</u>	<u>54 676</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>22 157</i>	<i>21 136</i>	<i>1 021</i>			
1		XNK THAN	30/9	2488/9	5/10	VINACOMIN TĐ 056-03	CẨM 4A.1	5 400	5 146	254	03/10	PTCB	
2		XNK VTA	02/10	2374B/9	09/10	HD 2099	CẨM 8A	1 970	1 954	16	02/10	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
3		HÀNG HẢI VIỆT NAM	02/10	2456/9	09/10	NB 8707	CẨM 8A	1 500	1 459	41	03/10	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
4		THÁI SƠN HP	02/10	2276/9	09/10	HN 2187	CẨM 8A	1 170	1 152	18	03/10	TD	NGUỒN CS GIA HẠN L3
5		THÁI SƠN HP	02/10	2420/9	09/10	TĐ 37-CG	CẨM 8A	1 658	1 635	23	03/10	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
							CẨM 8A	1 500	1 471	29	03/10	TD	NGUỒN CS
6		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	01/10	2512/10	07/10	NB 8308	CẨM 8A	3 100	2 855	245	04/10	TD	NGUỒN ĐN-C6
7		TRƯỜNG ANH 888	03/10	2526/10	10/10	HD 2266	CẨM 8A	1 979	1 950	29	04/10	TD	NGUỒN CS
8		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	29/9	4981/9		CẨM PHẢ 22	TNK-LÀO	3 880	3 514	366	02/10		
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>7 970</i>	<i>2 888</i>	<i>5 082</i>			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	24/9	2434/9	30/9	BN 3046	CỤC 1B	1 600	1 238	362	RÓT DỖ	TD	NGUỒN TN
2		XNK ANH KHOA	02/10	2523/10	09/10	TRIỆU PHÚ 256	CẨM 8A	3 200	656	2 544	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-C6
3		TRƯỜNG ANH 888	01/10	2514/10	07/10	QN 7488	CẨM 8A	1 904	995	909	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	02/10	2495/9	09/10	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 266		1 266		TD	NGUỒN KC GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>48 573</i>		<i>48 573</i>			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	30/9	2480/9	5/10	NB 2952	CẨM 7B	1 040		1 040		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		SX & TM THAN UÔNG BÍ	22/9	2166/8	30/9	BN 1997	CỤC XÔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3
							CỤC XÔ 1B	550		550		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		KDT HÀ NỘI	22/9	2418/9	30/9	BN 1879	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	22/9	2411/9	30/9	BN 2158	CỤC XỎ 1A	1 538		1 538		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		VT QUẢNG NINH	23/9	2191/8	30/9	BN 2189	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		XNK THAN	26/9	2283/9	30/9	BN 0757	CỤC XỎ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
7		VẬN TẢI THỦY	28/9	2458/9	30/9	QN 8236	CẨM 4A.1	3 000		3 000		TD	NGUỒN KVCP
8		KDT CẦU ĐUÔNG	29/9	2472/9	30/9	BN 1386	CỤC XỎ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
9		THAN MIỀN NAM	29/9	2468/9	30/9	BN 1336 (ĐÁP CẦU 36)	CẨM 8A	1 020		1 020		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		ĐTTM & DỊCH VỤ	29/9	2471/9	30/9	BN 2646	CỤC ĐON 8C	1 030		1 030		TD	NGUỒN HL
11		XNK VTA	29/9	2378/9	30/9	BN 2267	CỤC XỎ 1B	1 290		1 290		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
12		THAN MIỀN TRUNG	30/9	2476/9	30/9	Ả ĐỒNG 23	CỤC XỎ 1A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		KDT CẦU ĐUÔNG	29/9	2494/9	30/9	BN 0695	CỤC XỎ 1B	900		900		TD	NGUỒN TN
14		ĐVVT QUẢNG NINH	29/9	2493/9	30/9	BN 0766	CỤC XỎ 1B	750		750		TD	NGUỒN TN
15		TRƯỜNG ANH 888	04/10	2496/9	11/10	HÀ DƯƠNG 19	CẨM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
16		VẬN TẢI THỦY	30/9	2497/9	30/9	HD 3529	CẨM 8A	2 310		2 310		TD	NGUỒN CS Thay TBRT Số 2441/9
17		KDT CẦU ĐUÔNG	30/9	2502/9	30/9	BN 3040	CẨM 8A	1 964		1 964		TD	
18		ĐTTM & DỊCH VỤ	30/9	2500/9	30/9	BN 1758	CỤC XỎ 1B	1 102		1 102		TD	NGUỒN ĐN-C6
19		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	30/9	2504/9	30/9	HD 2299	CẨM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6
20		VT & KDT	04/10	2507/9	11/10	BN 2382	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
21		VT & KDT	30/9	2503/9	30/9	BN 1468	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
22		HÀNG HẢI VIỆT NAM	30/9	2506/9	30/9	HD 9189	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
23		VT & KDT	30/9	2505/9	30/9	NB 8530	CỤC XỎ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
24		XNK ANH KHOA	01/10	2205/9	07/10	VP 2882	CẨM 8A	1 960		1 960		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L5
25		VẬN TẢI THỦY	01/10	2154/9	07/10	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L4
26		ĐTKS ĐỒNG BẮC	01/10	2461/9	07/10	HY 0709	CẨM 8A	1 925		1 925		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
27		SX & TM THAN UÔNG BÍ	01/10	2385/9	07/10	HẢI ẦU 199	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
28		THAN MIỀN NAM	02/10	2521/10	09/10	TIẾN THỊNH 09	CẨM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-C6

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
29		VẬN TÀI THỦY	02/10	2524/10	09/10	QN 8265	CẨM 8A	1 973		1 973		TD	NGUỒN CS
30		ĐTTM & DỊCH VỤ	02/10	2538/10	11/10	HD 2225	CẨM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
31		XNK THAN	03/10	2283/9	10/10	BN 0757	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3
32		THAN SỐNG HỒNG	04/10	2536/10	11/10	TNG 0889	CẨM 8A	990		990		TD	NGUỒN CS
33		ĐTTM & DỊCH VỤ	04/10	2538/10	11/10	HD 2225	CẨM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
III		KHO BẢO NGUYỄN						8 503	4 074	4 429			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 077	4 074	3			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	30/9	608/9	7/10	QN 9300	CẨM 5A.10	4 077	4 074	3	02/10	HỘ LỚN	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						4 426		4 426			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/10	611B/9	12/10	DỪNG SƠN 88 (HP 6729)	CẨM 5B.10	4 426		4 426		HỘ LỚN	Thay TBRT 611/9
IV		KHO CẢNG KM6						49 931	30 393	19 538			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						27 562	27 261	301			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	02/10	2517/10	12/10	HOÀNG ANH 45	CỤC 4A.2	1 450	1 441	9	03/10	HỘ LỚN	
2		NHÓM LÂM ĐỒNG	02/10	2516/10	12/10	HOÀNG ANH 45	CẨM 5A.1	1 850	1 801	49	03/10	HỘ LỚN	
3		XNK THAN	30/9	2483/9	5/10	HOÀNG ANH 668	CẨM 6A.1	4 300	4 284	16	02/10	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	01/10	2490/9	10/10	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585	2 578	7	03/10	PTCB	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	02/10	2518/10	12/10	HÙNG KHÁNH 86	CẨM 5B.1	3 150	2 978	172	03/10	PTCB	
6		KDT MIỀN BẮC	03/10	2525/10	13/10	BN 1988	CẨM 6A.1	1 400	1 393	7	03/10	PTCB	
7		KDT HÀ BẮC	03/10	2529/10	13/10	BN 1313	CẨM 6A.1	1 845	1 841	4	04/10	PTCB	
8		KDT MIỀN BẮC	03/10	2531/10	13/10	HP 6286	CẨM 6B.1	5 872	5 857	15	04/10	PTCB	
9		KDT HẢI PHÒNG	04/10	2534/10	14/10	HD 1486	CẨM 6A.1	1 600	1 594	6	04/10	PTCB	
10		ĐTTM & DỊCH VỤ	01/10	2467/9	07/10	QN 4438	CỤC XÔ 1B	1 100	1 093	7	03/10	TD	NGUỒN DH Thay TBRT 1941/7
11		THÁI SƠN HP	03/10	2527/10	10/10	HD 5569	BÙN TUYẾN 3C	2 410	2 400	10	04/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						8 219	3 132	5 087			
1		KDT MIỀN BẮC	04/10	2532/10	14/10	HP 5776	CẨM 6B.1	5 064	2 516	2 548	RÚT DỖ	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	04/10	2539/10	14/10	HP 4910	CẨM 6A.1	2 155		2 155		PTCB	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 03-05 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]

